TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 15/01/2021
V/v *"T/c Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Vui.
2. Bà Nguyễn Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-DSST ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST – DS ngày 07/12/2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 03 ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 22, đường Nguyễn Du, khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thanh T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà số 3, chợ Lộc Ninh, khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy L trình bày: Ngày 02/6/2013 và ngày 08/06/2013, bà Trần Thanh T có vay của bà L tổng số tiền là 2.350.000.000 đồng *(hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Đến ngày 30/4/2015, bà T trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng),* còn nợ lại số tiền 2.250.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*). Bà T có viết giấy chốt nợ ghi ngày 30/4/2015. Bà L đã yêu cầu bà T trả nợ nhiều lần nhưng đến nay bà T vẫn không trả nợ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thanh T trả cho bà L số tiền gốc còn lại là 2.250.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai và Biên bản ghi lời khai ngày 06/10/2020, bị đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà T có vay tiền của bà L từ năm 1999, vay nhiều lần. Do làm ăn thua lỗ nên bà T đã giao nhà cho bà L bán để trả nợ gốc. Ngày 30/4/2015, bà L và bà T tính tiền lãi mà bà T còn nợ bà L là 2.250.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*) nên viết giấy chốt tiền lãi. Giấy đề ngày 30/4/2015 mà bà L cung cấp cho Tòa án là do bà T viết nhưng số tiền 2.250.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*) mà bà L yêu cầu bà T trả là số tiền lãi, không phải là tiền gốc. Trong giấy chốt nợ cũng thể hiện bà L không tính lãi suất và cho bà T trả nợ dần, tuy nhiên đến nay bà T chưa trả cho bà L.

Nay bà T đồng ý trả cho bà L số tiền 2.250.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thúy L;

Buộc bà Trần Thanh T trả cho bà Nguyễn Thúy L số tiền 2.250.000.000 đồng *(hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*). Bà L không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thúy L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh T trả số tiền 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài*

sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thanh T, cư trú tại Thị trấn L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về việc yêu cầu bà T trả số tiền 2.250.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*: Theo bà L ngày 02/6/2013 và ngày 08/06/2013, bà T có vay của bà L tổng số tiền 2.350.000.000đ *(Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng)*. Đến ngày 30/4/2015, bà T trả 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*, còn nợ lại 2.250.000.000 đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Bà T có viết giấy chốt nợ ghi ngày 30/4/2015. Bà L đã yêu cầu bà T trả tiền nhiều lần nhưng đến nay bà T chưa trả. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2020 bà T thừa nhận giấy chốt nợ ngày 30/4/2015 là do bà T viết và còn nợ bà L số tiền 2.250.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)* nhưng đây là tiền lãi phát sinh từ những lần vay trước vì số tiền bà L cho vay rất lớn nhưng không tính lãi suất, cho trả dần nhưng không xác định sẽ trả bao nhiêu, vào ngày tháng nào, bắt đầu trả từ thời gian nào. Tuy nhiên, bà L không thừa nhận đây là tiền lãi. Bà T không xác định được trước ngày 30/4/2015 số tiền gốc đã vay để tính lãi suất, cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Tại biên bản ngày 06/10/2020 bà T đồng ý trả cho bà L 2.250.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)* nhưng trả dần. Xét thấy, giấy chốt nợ ngày 30/4/2015 bà L cho trả dần nhưng từ năm 2015 đến nay bà T chưa trả cho bà L lần nào là xem như đã vi phạm nghĩa vụ. Nay bà L không đồng ý cho trả dần vì thời gian thỏa thuận đã lâu. Như vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 2.250.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà L không cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án thì *“bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu*

cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận". Như vậy, bà Trần Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 77.000.000đ *(bảy mươi bảy triệu đồng)*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy L.

Buộc bà Trần Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thúy L số tiền 2.250.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí :

Bà Trần Thanh T nộp 77.000.000đ *(bảy mươi bảy triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thúy L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà L số tiền 38.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0000849 ngày 02 tháng 3 năm 2020.

3.Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh